

Số: /TB-UBND

Vĩnh Thủy, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

**Niêm yết công khai danh sách các cơ sở chăn nuôi được đề xuất hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn xã Vĩnh Thủy
(đợt 1, từ ngày 23/7/2025 đến ngày 14/8/2025)**

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ về quy định hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

UBND xã Vĩnh Thủy đã triển khai và có 420 cơ sở chăn nuôi nộp Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; Tổ thẩm định đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các cơ sở chăn nuôi (đợt 1, từ ngày 23/7/2025 đến ngày 14/8/2025) theo đúng quy định.

Để việc đề xuất hỗ trợ cơ sở chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đảm bảo dân chủ, công khai, UBND xã Vĩnh Thủy thông báo:

1. Nội dung: Niêm yết công khai danh sách các cơ sở chăn nuôi được đề xuất hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn xã Vĩnh Thủy (đợt 1, từ ngày 23/7/2025 đến ngày 14/8/2025) (Có danh sách chi tiết kèm theo).

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 28/10/2025 đến hết ngày 01/11/2025.

3. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND xã Vĩnh Thủy (Bảng niêm yết công khai); Nhà văn hóa 18 thôn: Huỳnh Xá Hạ, Huỳnh Thượng, Tiên An, Minh Phước, Nam Sơn, Lê Xá, Đặng Xá, Duy Viên, Quảng Xá, Lâm Cao, Tiên Mỹ 2, Thủy Ba Đông, Thủy Ba Tây, Thủy Ba Hạ, Đặng Xá, Linh Hải, Tiên Mỹ 1, Tiên Lai và Trang thông tin điện tử của xã.

4. Kiến nghị, phản ánh: Trong thời gian niêm yết, nếu các tổ chức, cá nhân có ý kiến kiến nghị, phản ánh, đề nghị gửi văn bản trực tiếp về UBND xã Vĩnh Thủy (qua Phòng Kinh tế) để được xem xét, giải quyết theo quy định.

Sau thời gian niêm yết (đến hết ngày 01/11/2025) nếu không có kiến nghị, phản ánh về bảng tổng hợp danh sách các cơ sở chăn nuôi được đề xuất hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn xã Vĩnh Thủy (đợt 1) thì UBND xã sẽ lập hồ sơ gửi UBND tỉnh và các sở, ngành đề nghị hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở chăn nuôi.

UBND xã Vĩnh Thủy thông báo để Nhân dân được biết và theo dõi./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Trang TTĐT xã;
- TTPVHCC (Niêm yết công khai);
- Trưởng các thôn có liên quan;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Chiến

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CƠ SỞ CHĂN NUÔI BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Từ ngày 23 tháng 7 năm 2025 đến ngày 14 tháng 8 năm 2025)
(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Vĩnh Thụy)

TT	Ngày tiêu huỷ	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu huỷ	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1		2	3	4	5	
I	Huỳnh Thượng		14	43	4.548	181.920.000
1	23/7/2025	Huỳnh Thượng	Hồ Xuân Tám	1	187	7.480.000
	27/7/2025			2	60	2.400.000
2	23/7/2025	Huỳnh Thượng	Trần Hữu Linh	4	399	15.960.000
3	24/7/2025	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Lự	5	340	13.600.000
4	25/7/2025	Huỳnh Thượng	Trần Hữu Lượng	1	150	6.000.000
5	25/7/2025	Huỳnh Thượng	Trần Văn Hà	2	160	6.400.000
6	27/7/2025	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Trinh	1	65	2.600.000
7	27/7/2025	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Gia	2	370	14.800.000
8	28/7/2025	Huỳnh Thượng	Hoàng Xuân Thành	1	197	7.880.000
9	29/7/2025	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Tiến	2	375	15.000.000
10	29/7/2025	Huỳnh Thượng	Trần Văn Hương	12	1.154	46.160.000
11	30/7/2025	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Liễn	5	467	18.680.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
12	31/7/2025	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Thu	2	162	6.480.000
13	05/08/2025	Huỳnh Thượng	Trần Thị Khánh	1	217	8.680.000
14	08/06/2025	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Von	2	245	9.800.000
II	Huỳnh Xá Hạ	2		5	509	20.360.000
1	23/7/2025	Huỳnh Xá Hạ	Trần Quang Mạnh	2	304	12.160.000
2	13/8/2025	Huỳnh Xá Hạ	Thái Thị Hợi	3	205	8.200.000
III	Tiên An	9		30	2.953	118.120.000
1	26/7/2025	Tiên An	Phạm Hữu Chiến	1	203	8.120.000
2	26/7/2025	Tiên An	Phạm Hữu Minh	2	322	12.880.000
3	28/7/2025	Tiên An	Nguyễn Thanh Hoàn	1	147	5.880.000
4	01/08/2025	Tiên An	Lê Thị Tuyền	2	130	5.200.000
5	05/08/2025	Tiên An	Nguyễn Thị Chiên	15	1.175	47.000.000
6	05/08/2025	Tiên An	Ngô Xuân Hải	2	312	12.480.000
7	05/08/2025	Tiên An	Nguyễn Thị Thuỷ	1	175	7.000.000
	10/08/2025			2	105	4.200.000
8	08/08/2025	Tiên An	Phạm Hữu Sỹ	2	287	11.480.000
9	09/08/2025	Tiên An	Nguyễn Văn Huệ	2	97	3.880.000
IV	Nam Sơn	2		2	420	16.800.000
1	26/7/2025	Nam Sơn	Nguyễn Thị Hồng	1	153	6.120.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
2	04/08/2025	Nam Sơn	Nguyễn Thị Vang	1	267	10.680.000
V	Minh Phước	5		27	3.249	129.960.000
1	31/7/2025	Minh Phước	Trương văn Trung	16	1.410	56.400.000
2	01/08/2025	Minh Phước	Hà Thị Đông	1	230	9.200.000
5	09/08/2025	Minh Phước	Hà Thị Đông L2	3	587	23.480.000
3	06/08/2025	Minh Phước	Phan Đình Tuyển	1	220	8.800.000
4	08/07/2025	Minh Phước	Phan Đình Chắt	6	802	32.080.000
VI	Lê Xá	2		11	902	36.080.000
1	04/08/2025	Lê Xá	Nguyễn Thị Tình	4	328	13.120.000
2	08/12/2025	Lê Xá	Nguyễn Xuân Thủy	7	574	22.960.000
VII	Đặng Xá	28		122	8.932	357.280.000
1	24/07/2025	Đặng Xá	Nguyễn Thị Toàn	4	320	12.800.000
	31/7/2025			3	137	5.480.000
2	24/07/2025	Đặng Xá	Lê Thị Liên	1	145	5.800.000
3	24/7/2025	Đặng Xá	Nguyễn Văn Thành	13	359	14.360.000
4	24/7/2025	Đặng Xá	Nguyễn Thị Bòn	1	65	2.600.000
5	25/07/2025	Đặng Xá	Nguyễn Văn Sáng	2	323	12.920.000
6	25/07/2025	Đặng Xá	Nguyễn Thị Hiếu	1	162	6.480.000
7	27/7/2025	Đặng Xá	Lê Thị Quyên	1	135	5.400.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
8	27/7/2025	Đặng Xá	Lê Văn Cuộc	3	198	7.920.000
9	27/7/2025	Đặng Xá	Hồ Xuân Chính	36	1.640	65.600.000
10	28/7/2025	Đặng Xá	Trần Thị Vân	1	186	7.440.000
11	29/7/2025	Đặng Xá	Phạm Thị Hồng	15	1.720	68.800.000
12	30/7/2025	Đặng Xá	Nguyễn Văn Lực	1	125	5.000.000
	05/08/2025			2	100	4.000.000
13	30/7/2025	Đặng Xá	Lê Văn Thử	1	250	10.000.000
	03/08/2025			2	136	5.440.000
14	31/7/2025	Đặng Xá	Nguyễn Thị Thu	11	298	11.920.000
15	31/7/2025	Đặng Xá	Hồ Văn Lý	1	187	7.480.000
16	01/08/2025	Đặng Xá	Trần Thị Mến	2	432	17.280.000
17	03/08/2025	Đặng Xá	Nguyễn Thị Hoa	1	119	4.760.000
18	02/08/2025	Đặng Xá	Lê Thị Huế	1	120	4.800.000
19	03/08/2025	Đặng Xá	Lê Thị Quyên	1	167	6.680.000
20	02/08/2025	Đặng Xá	Nguyễn Văn Hùng	1	147	5.880.000
21	04/08/2025	Đặng Xá	Nguyễn Văn Viện	1	145	5.800.000
22	04/08/2025	Đặng Xá	Võ Đại Hiệu	1	45	1.800.000
23	05/08/2025	Đặng Xá	Nguyễn Thị Dẫn	1	145	5.800.000
24	06/08/2025	Đặng Xá	Trần Thị kiều Anh	1	146	5.840.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
25	06/08/2025	Đặng Xá	Phan văn Cả	10	500	20.000.000
26	06/08/2025	Đặng Xá	Lê Thị Phương	1	230	9.200.000
27	09/08/2025	Đặng Xá	Nguyễn Văn Sinh	1	120	4.800.000
28	09/08/2025	Đặng Xá	Phan Thị Tơ	1	130	5.200.000
VIII	Duy Viên	39		222	14.664	586.560.000
1	25/07/2025	Duy Viên	Lê Thanh Nam	9	400	16.000.000
2	25/7/2025	Duy Viên	Lê Văn Hồng	21	816	32.640.000
3	25/7/2025	Duy Viên	Nguyễn Văn Hải	11	303	12.120.000
	05/08/2025			1	186	7.440.000
4	27/7/2025	Duy Viên	Lê Đức Giáo	9	75	3.000.000
5	27/7/2025	Duy Viên	Cao Văn Điền	3	295	11.800.000
	05/08/2025	Duy Viên	Cao Văn Điền (L2)	1	247	9.880.000
6	27/7/2025	Duy Viên	Lê Văn Phận	2	151	6.040.000
7	26/07/2025	Duy Viên	Trần Thị Hạnh	2	265	10.600.000
	29/07/2025	Duy Viên		2	65	2.600.000
8	26/07/2025	Duy Viên	Lê Thị Thiếc	4	140	5.600.000
	30/7/2025			1	145	5.800.000
9	26/07/2025	Duy Viên	Lê Hữu Năng	1	127	5.080.000
10	26/07/2025	Duy Viên	Nguyễn Thị Doãn	20	554	22.160.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
11	28/7/2025	Duy Viên	Lê Phương Đông	1	142	5.680.000
	05/08/2025			1	255	10.200.000
12	29/7/2025	Duy Viên	Hồ Thị Thanh	1	217	8.680.000
	08/08/2025			2	240	9.600.000
13	29/7/2025	Duy Viên	Lê Thị Loan	1	93	3.720.000
14	29/7/2025	Duy Viên	Lê Lê Huân	4	510	20.400.000
15	29/7/2025	Duy Viên	Lê Thị Lưu	10	150	6.000.000
16	29/7/2025	Duy Viên	Lê Văn Duy	4	270	10.800.000
	25/07/2025	Duy Viên		2	90	3.600.000
17	30/7/2025	Duy Viên	Cao Thị Hà	1	176	7.040.000
18	30/7/2025	Duy Viên	Lê Đức Trung	1	190	7.600.000
	30/07/2025			1	172	6.880.000
19	30/7/2025	Duy Viên	Lê Đức Bắc	5	289	11.560.000
20	01/08/2025	Duy Viên	Hoàng Thị Thu	1	73	2.920.000
21	01/08/2025	Duy Viên	Nguyễn Văn Nam	1	78	3.120.000
	08/08/2025			4	40	1.600.000
22	01/08/2025	Duy Viên	Nguyễn Xuân Dũng	8	368	14.720.000
	07/08/2025			3	356	14.240.000
23	01/08/2025	Duy Viên	Hoàng văn Minh	1	80	3.200.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
	07/08/2025			3	240	9.600.000
24	01/08/2025	Duy Viên	Lê Đức Phòng	2	216	8.640.000
	08/08/2025			1	57	2.280.000
25	02/08/2025	Duy Viên	Lê Văn Phương	2	378	15.120.000
	11/08/2025			2	346	13.840.000
26	03/08/2025	Duy Viên	Hoàng Thị Hiền	5	426	17.040.000
27	05/08/2025	Duy Viên	Lê Xuân Kiên	1	170	6.800.000
	06/08/2025			1	145	5.800.000
28	06/08/2025	Duy Viên	Lê Thị Liên	3	383	15.320.000
29	05/08/2025	Duy Viên	Lê Thị Khuê	5	380	15.200.000
30	06/08/2025	Duy Viên	Lê Thị Nhàn	18	1.032	41.280.000
31	06/08/2025	Duy Viên	Lê Hữu Năng	7	180	7.200.000
32	06/08/2025	Duy Viên	Lê Thị Lành	3	259	10.360.000
33	06/08/2025	Duy Viên	Lê Đức Phương	1	160	6.400.000
34	07/08/2025	Duy Viên	Lê Thị Hà	2	496	19.840.000
	11/08/2025	Duy Viên	Lê Thị Hà L2	16	1.514	60.560.000
35	09/08/2025	Duy Viên	Nguyễn Thị Thanh	3	236	9.440.000
36	09/08/2025	Duy Viên	Lê Thị Dương	2	150	6.000.000
37	01/08/2025	Duy Viên	Nguyễn Thị Hiền (Xuân)	4	180	7.200.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
38	10/08/2025	Duy Viên	Hồ Thị Minh Phận	1	78	3.120.000
39	10/08/2025	Duy Viên	Lê Đức Sơn	1	80	3.200.000
IX	Quảng Xá	16		109	6.665	266.600.000
1	25/7/2025	Quảng Xá	Trịnh Thị Thanh Phương	13	494	19.760.000
2	25/7/2025	Quảng Xá	Hoàng Kim Tuyển	2	164	6.560.000
3	25/7/2025	Quảng Xá	Hoàng Kim Chiến	1	270	10.800.000
4	26/07/2025	Quảng Xá	Hoàng Thị Yên	1	175	7.000.000
5	25/07/2025	Quảng Xá	Trương Đình Tiến	3	362	14.480.000
6	27/7/2025	Quảng Xá	Trương Đình Đông	8	432	17.280.000
7	27/7/2025	Quảng Xá	Hoàng Văn Hoan	15	900	36.000.000
	30/07/2025			7	585	23.400.000
8	26/07/2025	Quảng Xá	Hoàng Văn Trinh	1	218	8.720.000
	30/7/2025			1	230	9.200.000
9	31/07/2025	Quảng Xá	Nguyễn Văn Hoa	16	343	13.720.000
10	31/07/2025	Quảng Xá	Hoàng Thị Di	3	150	6.000.000
11	03/08/2025	Quảng Xá	Hoàng Thị Hải	8	520	20.800.000
12	05/08/2025	Quảng Xá	Hoàng Ngọc Tình	2	180	7.200.000
13	06/08/2025	Quảng Xá	Hoàng Thị Hồng	8	376	15.040.000
14	08/08/2025	Quảng Xá	Lê Thị Cẩm	5	375	15.000.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
15	10/08/2025	Quảng Xá	Phạm Thị Hằng	3	195	7.800.000
16	10/08/2025	Quảng Xá	Trương Thị Mơ	12	696	27.840.000
X	Lâm Cao	31		192	14.305	572.200.000
1	26/07/2025	Lâm Cao	Lê Văn Tuấn	7	429	17.160.000
2	26/7/2025	Lâm Cao	Nguyễn Hữu Thủy	2	264	10.560.000
3	26/7/2025	Lâm Cao	Hồ Văn Huynh	13	901	36.040.000
4	26/7/2025	Lâm Cao	Nguyễn Thanh Tâm	1	215	8.600.000
	05/08/2025			1	187	7.480.000
5	26/7/2025	Lâm Cao	Hồ Văn Bảo	1	178	7.120.000
	30/7/2025			2	142	5.680.000
6	27/7/2025	Lâm Cao	Hồ Sỹ Thán	6	507	20.280.000
	28/7/2025			16	1.057	42.280.000
7	27/7/2025	Lâm Cao	Hồ Xuân Dung	1	82	3.280.000
	02/08/2025			1	86	3.440.000
8	27/7/2025	Lâm Cao	Lê Trọng Kim	1	83	3.320.000
	02/08/2025			1	83	3.320.000
9	27/7/2025	Lâm Cao	Hồ Văn Khanh	1	181	7.240.000
	02/08/2025			1	75	3.000.000
10	26/07/2025	Lâm Cao	Lê Văn Truyền	2	250	10.000.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
11	26/07/2025	Lâm Cao	Nguyễn Văn Thắng	33	1.848	73.920.000
	31/7/2025			28	1.936	77.440.000
12	27/7/2025	Lâm Cao	Hoàng Ngọc Linh	1	197	7.880.000
13	27/7/2025	Lâm Cao	Hồ Thị Hà	1	192	7.680.000
14	28/7/2025	Lâm Cao	Hồ Văn Thành	7	198	7.920.000
15	29/7/2025	Lâm Cao	Lê Văn Hùng	1	135	5.400.000
16	30/7/2025	Lâm Cao	Lê Văn Tụng	2	195	7.800.000
17	30/7/2025	Lâm Cao	Hồ Văn Hùng	1	178	7.120.000
18	30/7/2025	Lâm Cao	Hồ Văn Hiếu	3	303	12.120.000
19	30/7/2025	Lâm Cao	Nguyễn Hữu Thắm	3	342	13.680.000
20	01/08/2025	Lâm Cao	Hồ Văn Hùng (Hiền)	1	71	2.840.000
21	01/08/2025	Lâm Cao	Trần Ngọc Linh	12	984	39.360.000
22	02/08/2025	Lâm Cao	Hồ Ngọc Lân	2	90	3.600.000
23	02/08/2025	Lâm Cao	Hồ Thị Hà	1	146	5.840.000
24	08/08/2025	Lâm Cao	Hoàng Thị Mai	1	46	1.840.000
25	02/08/2025	Lâm Cao	Nguyễn Thị Lan	1	70	2.800.000
26	03/08/2025	Lâm Cao	Nguyễn Quang Vinh	25	1.375	55.000.000
27	03/08/2025	Lâm Cao	Hồ Chuyên	2	323	12.920.000
28	04/08/2025	Lâm Cao	Hồ Văn Khánh	2	240	9.600.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
29	05/08/2025	Lâm Cao	Lê Văn Quế	5	347	13.880.000
30	05/08/2025	Lâm Cao	Võ Quang Mẫn	2	176	7.040.000
31	06/08/2025	Lâm Cao	Lê Thị Dung	1	193	7.720.000
XI	Tiên Mỹ 2	5		53	3.315	132.600.000
1	26/7/2025	Tiên Mỹ 2	Võ Văn Long	25	1.350	54.000.000
2	26/7/2025	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Hải	4	365	14.600.000
3	27/7/2025	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Thảo Lệ	14	518	20.720.000
	11/08/2025			2	246	9.840.000
4	27/7/2025	Tiên Mỹ 2	Trần Thị Hiệp	1	162	6.480.000
	11/08/2025			5	354	14.160.000
5	31/7/2025	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Văn Cường	2	320	12.800.000
XII	Tiên Lai	1		22	1.183	47.320.000
1	28/7/2025	Tiên Lai	Cao Văn Hà	1	196	7.840.000
	04/08/2025			21	987	39.480.000
XIII	Tiên Mỹ 1	3		7	511	20.440.000
1	03/08/2025	Tiên Mỹ 1	Lê Duy Thuận	4	245	9.800.000
2	11/08/2025	Tiên Mỹ 1	Trần Thị Hoài	1	176	7.040.000
3	11/08/2025	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Thị Sen	2	90	3.600.000
XIV	Đức Xá	116		620	42.104	1.684.160.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
1	23/07/2025	Đức Xá	Lê Vinh Lâm	2	312	12.480.000
2	23/07/2025	Đức Xá	Lê Thị Xanh	3	520	20.800.000
3	23/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Việt	4	175	7.000.000
4	23/07/2025	Đức Xá	Lê Xuân Kỳ	2	226	9.040.000
5	24/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Hiền	1	112	4.480.000
6	24/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Quang Tân	19	1.045	41.800.000
7	24/07/2025	Đức Xá	Cao Thị Khuyên	1	112	4.480.000
8	24/07/2025	Đức Xá	Trần Hữu Tuấn	15	1.842	73.680.000
9	24/07/2025	Đức Xá	Trần Như Ninh	2	140	5.600.000
10	24/07/2025	Đức Xá	Hồ Thị Bé	10	420	16.800.000
11	25/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Cúc	1	135	5.400.000
12	25/07/2025	Đức Xá	Trần Văn Thanh	25	428	17.120.000
13	25/07/2025	Đức Xá	Phan Thị Hoài Thơm	2	70	2.800.000
14	25/07/2025	Đức Xá	Lê Thị Hảo	17	182	7.280.000
15	26/07/2025	Đức Xá	Trương đình thanh	12	260	10.400.000
16	26/07/2025	Đức Xá	Đình Quý Nhân	2	190	7.600.000
17	26/07/2025	Đức Xá	Lê Linh	3	376	15.040.000
18	27/07/2025	Đức Xá	Trần Hải	5	478	19.120.000
19	27/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Dĩ	17	291	11.640.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
20	27/07/2025	Đức Xá	Hồ Thị Tuyết	5	541	21.640.000
21	27/07/2025	Đức Xá	Lê Thanh Long	2	267	10.680.000
22	27/07/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Tám	2	217	8.680.000
23	28/07/2025	Đức Xá	Lê Thị Cúc	2	350	14.000.000
24	28/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Hẹ	3	467	18.680.000
25	28/07/2025	Đức Xá	Trần Thị Lam	5	700	28.000.000
26	28/07/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Minh	4	97	3.880.000
27	29/07/2025	Đức Xá	Lê Thị Huyền	1	146	5.840.000
28	29/07/2025	Đức Xá	Trần Mậu Hùng	7	805	32.200.000
29	29/07/2025	Đức Xá	Trần Thị Hồng	2	436	17.440.000
30	29/07/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Tuệ	14	516	20.640.000
31	29/07/2025	Đức Xá	Đặng Văn Long	14	976	39.040.000
32	29/07/2025	Đức Xá	Phạm Thị Miên	3	192	7.680.000
33	29/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Công	13	210	8.400.000
34	29/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Phượng	13	680	27.200.000
35	29/07/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Thoại	1	247	9.880.000
36	29/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Cúc	1	127	5.080.000
37	29/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Trâm	16	1.280	51.200.000
38	30/07/2025	Đức Xá	Trần Thanh Hưng	2	172	6.880.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
39	30/07/2025	Đức Xá	Lê Thanh Tình	2	276	11.040.000
40	30/07/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Lâm	1	99	3.960.000
41	30/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Thắm	3	368	14.720.000
42	30/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Kiệt	9	360	14.400.000
43	30/07/2025	Đức Xá	Lê Minh Tuyển	1	168	6.720.000
44	31/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Lí	2	396	15.840.000
45	31/07/2025	Đức Xá	Trần Thị Sáu	2	52	2.080.000
46	31/07/2025	Đức Xá	Trần Thị Vương	8	218	8.720.000
47	31/07/2025	Đức Xá	Trần Xuân Quang	1	136	5.440.000
48	31/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Ninh	1	173	6.920.000
49	31/07/2025	Đức Xá	Lê Thị Liên	1	37	1.480.000
50	31/07/2025	Đức Xá	Dương Tất Đắc	1	243	9.720.000
51	31/07/2025	Đức Xá	Trần Trọng Lâm	1	134	5.360.000
52	31/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Cúc	3	373	14.920.000
53	31/07/2025	Đức Xá	Hoàng Huy Hậu	5	382	15.280.000
54	31/07/2025	Đức Xá	Trần Như Nam	11	326	13.040.000
55	31/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Quang Tân	10	879	35.160.000
56	31/07/2025	Đức Xá	Trần Đăng Hoài	15	1.725	69.000.000
57	31/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Trúc	1	135	5.400.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
58	31/07/2025	Đức Xá	Lê Thị Thoa	1	54	2.160.000
59	31/07/2025	Đức Xá	Lê Thị Trang	14	934	37.360.000
60	31/07/2025	Đức Xá	Lê Thị Quyên	5	267	10.680.000
61	31/07/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Lâm	4	134	5.360.000
62	31/07/2025	Đức Xá	Đào Thị Thiết	2	94	3.760.000
63	31/07/2025	Đức Xá	Nguyễn Xuân Hòa	2	86	3.440.000
64	08/01/2025	Đức Xá	Trần Thanh Lam	1	187	7.480.000
65	08/01/2025	Đức Xá	Trần Như Hồng	15	556	22.240.000
66	08/01/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Tân	3	679	27.160.000
67	08/01/2025	Đức Xá	Hoàng Văn Cầm	1	214	8.560.000
68	08/01/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Phúc	1	236	9.440.000
69	08/02/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Thị	4	326	13.040.000
70	08/02/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Hòa	4	480	19.200.000
71	08/02/2025	Đức Xá	Trần Như Tâm	1	86	3.440.000
72	08/02/2025	Đức Xá	Phan Thị Lí	2	217	8.680.000
73	08/02/2025	Đức Xá	Phan Thị Hóa	1	92	3.680.000
74	08/02/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Hùng	1	136	5.440.000
75	08/02/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Năm	2	92	3.680.000
76	03/08/2025	Đức Xá	Trần Đăng Sử	4	869	34.760.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
77	03/08/2025	Đức Xá	Nguyễn Hồng Lê	2	413	16.520.000
78	03/08/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Hiệu	3	157	6.280.000
79	03/08/2025	Đức Xá	Trần Cảnh Hưng	2	80	3.200.000
80	03/08/2025	Đức Xá	Lê Nam Á	1	197	7.880.000
81	03/08/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Thoại	14	276	11.040.000
82	04/08/2025	Đức Xá	Trần Xuân Quang	7	192	7.680.000
83	04/08/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Tiến	2	84	3.360.000
84	04/08/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Minh	1	217	8.680.000
85	04/08/2025	Đức Xá	Trần Trọng Lâm	2	246	9.840.000
86	04/08/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Hải	1	215	8.600.000
87	04/08/2025	Đức Xá	Phan Văn Bằng	1	40	1.600.000
88	08/05/2025	Đức Xá	Lê Thị Liên	9	366	14.640.000
89	08/05/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Hương	1	80	3.200.000
90	08/05/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Hòa	2	82	3.280.000
91	08/05/2025	Đức Xá	Hồ Văn Nghị	1	112	4.480.000
92	08/05/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Náo	2	167	6.680.000
93	08/05/2025	Đức Xá	Lê Minh Tuyển	1	217	8.680.000
94	08/05/2025	Đức Xá	Đình Minh Bang	1	219	8.760.000
95	08/05/2025	Đức Xá	Trần Đăng Hoài	31	1.574	62.960.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
96	08/05/2025	Đức Xá	Trần Đăng Sử	27	738	29.520.000
97	08/06/2025	Đức Xá	Phan Thị Hóa	1	87	3.480.000
98	08/06/2025	Đức Xá	Lê Thị Thường	4	296	11.840.000
99	08/06/2025	Đức Xá	Phan Thị Loan	5	1.036	41.440.000
100	08/07/2025	Đức Xá	Phan Văn Bằng	2	132	5.280.000
101	08/08/2025	Đức Xá	Lê Thị Vui	3	139	5.560.000
102	08/08/2025	Đức Xá	Lê Đức Trịnh	2	66	2.640.000
103	08/09/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Quyên	3	415	16.600.000
104	08/09/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Hải	6	260	10.400.000
105	08/10/2025	Đức Xá	Phan Văn Chức	2	96	3.840.000
106	08/11/2025	Đức Xá	Trần Đăng Trường	2	47	1.880.000
107	08/11/2025	Đức Xá	Cao Đình Lập	1	87	3.480.000
108	08/12/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Hồng	16	224	8.960.000
109	08/12/2025	Đức Xá	Lê Vĩnh Toàn	1	113	4.520.000
110	08/12/2025	Đức Xá	Nguyễn Văn Chiến	11	212	8.480.000
111	08/12/2025	Đức Xá	Trần Đăng Sử	18	1.557	62.280.000
112	08/12/2025	Đức Xá	Trần Đăng Hoài	3	705	28.200.000
113	08/12/2025	Đức Xá	Trần Văn Thanh	1	245	9.800.000
114	13/8/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Hiền	26	2.396	95.840.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
115	13/8/2025	Đức Xá	Nguyễn Thị Thu	1	93	3.720.000
116	14/08/2025	Đức Xá	Lê Thị Xuân	2	267	10.680.000
XV	Thủy Ba Đông	101		536	25.997	1.039.880.000
1	23/07/2025	Thủy Ba Đông	Võ Văn Vinh	11	603	24.120.000
2	23/07/2025	Thủy Ba Đông	Tô Thị Lan	13	741	29.640.000
3	23/07/2025	Thủy Ba Đông	Thái Vĩnh Tân	12	1.013	40.520.000
4	23/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Thị Thúy	6	292	11.680.000
5	23/07/2025	Thủy Ba Đông	Đặng Văn Quang	16	428	17.120.000
6	23/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Thiết	1	157	6.280.000
7	24/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Hương	26	597	23.880.000
8	24/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Thanh	17	480	19.200.000
9	24/07/2025	Thủy Ba Đông	Thái Vĩnh Sơn	3	276	11.040.000
10	24/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Quốc Thiệu	1	157	6.280.000
11	24/07/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thị Bé	9	193	7.720.000
12	24/07/2025	Thủy Ba Đông	Thái Thị Hường	4	156	6.240.000
13	24/07/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Văn Tuyển	1	55	2.200.000
14	25/07/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Quang Nam	13	128	5.120.000
15	25/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Công	1	200	8.000.000
16	25/07/2025	Thủy Ba Đông	Thái Vĩnh Nghinh	2	448	17.920.000

TT	Ngày tiêu huỷ	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu huỷ	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
17	25/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Thị Phòng	1	245	9.800.000
18	25/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Văn Bình	7	421	16.840.000
19	25/07/2025	Thủy Ba Đông	Cao Thị Hằng (Lông)	1	70	2.800.000
20	25/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Trung	2	311	12.440.000
21	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Thị Huyền	4	239	9.560.000
22	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Thái Vĩnh Luyến	5	447	17.880.000
23	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Thị Phương	2	130	5.200.000
24	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Văn Thủy	10	333	13.320.000
25	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Văn Thành	13	264	10.560.000
26	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Cao Tất Hiến	2	122	4.880.000
27	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc sự	1	120	4.800.000
28	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Cao Thị Thu	1	32	1.280.000
29	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Thị Huyền	1	88	3.520.000
30	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Cao Thị Lập	1	107	4.280.000
31	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Cao Thị Lương	5	537	21.480.000
32	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thị Bích Liên	3	178	7.120.000
33	26/07/2025	Thủy Ba Đông	Lương Minh Hiếu	4	259	10.360.000
34	27/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Cảnh	1	54	2.160.000
35	27/07/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thế Viên	13	786	31.440.000

TT	Ngày tiêu huỷ	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu huỷ	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
36	27/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Huế	2	70	2.800.000
37	27/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Văn Tiêm	1	68	2.720.000
38	27/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Cúc	1	212	8.480.000
39	27/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Thu	1	90	3.600.000
40	27/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Cảnh	1	155	6.200.000
41	27/07/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Văn Tuyển	1	50	2.000.000
42	27/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Thị Huyền	1	100	4.000.000
43	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Văn Tường	21	1.333	53.320.000
44	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Thị Phòng	2	353	14.120.000
45	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Cao Thị Hằng (Lông)	5	335	13.400.000
46	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Thái Vĩnh Quang	10	261	10.440.000
47	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Văn năm	45	1.004	40.160.000
48	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Thái Vĩnh Nghinh	10	90	3.600.000
49	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Đặng Văn Vinh	1	117	4.680.000
50	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Thái Vĩnh Thành	13	676	27.040.000
51	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Cảnh	9	384	15.360.000
52	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Thịnh	11	268	10.720.000
53	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Dương	1	127	5.080.000
54	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Thu	2	80	3.200.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
55	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Văn Thông	3	187	7.480.000
56	28/07/2025	Thủy Ba Đông	Võ Thị Liên	2	104	4.160.000
57	29/07/2025	Thủy Ba Đông	Trần Văn Bình	1	171	6.840.000
58	30/07/2025	Thủy Ba Đông	Hoàng Linh Chi	2	45	1.800.000
59	30/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Chung	9	64	2.560.000
60	30/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Cúc	10	166	6.640.000
61	31/07/2025	Thủy Ba Đông	Cao Thị Lập	9	203	8.120.000
62	31/07/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thế Viên	2	428	17.120.000
63	31/07/2025	Thủy Ba Đông	Cao Tất Hiến	2	121	4.840.000
64	31/07/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Thuận	1	129	5.160.000
65	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Cao Thị Thu	1	29	1.160.000
66	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thế Viên	6	1.176	47.040.000
67	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Thanh Phương	1	47	1.880.000
68	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Nguyệt	14	726	29.040.000
69	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Công	1	187	7.480.000
70	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Minh	3	295	11.800.000
71	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Trung	2	169	6.760.000
72	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Văn Tiêm	1	97	3.880.000
73	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Triệu Nam	1	243	9.720.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
74	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Trần Văn Minh	1	50	2.000.000
75	01/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Thị Hồng	1	64	2.560.000
76	02/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Sự	1	34	1.360.000
77	02/08/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Năm	2	241	9.640.000
78	02/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Thị Huyền	10	207	8.280.000
79	02/08/2025	Thủy Ba Đông	Trần Thị Thủy	1	70	2.800.000
80	02/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Thị Đào	8	168	6.720.000
81	02/08/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Huế	7	184	7.360.000
82	02/08/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thị Hảo	1	209	8.360.000
83	02/08/2025	Thủy Ba Đông	Đinh Thị Hoa	13	525	21.000.000
84	03/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Triều	2	88	3.520.000
85	03/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Thiết	1	257	10.280.000
86	04/08/2025	Thủy Ba Đông	Trần Hữu Linh	1	115	4.600.000
87	04/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Hòa	4	233	9.320.000
88	05/08/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thế Viên	37	713	28.520.000
89	06/08/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thị Hòa	1	121	4.840.000
90	06/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Công	2	372	14.880.000
91	07/08/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Cúc	1	157	6.280.000
92	08/08/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Xoan	1	96	3.840.000

TT	Ngày tiêu huỷ	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu huỷ	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
93	08/08/2025	Thủy Ba Đông	Đặng Xuân Nam	1	46	1.840.000
94	08/08/2025	Thủy Ba Đông	Lê Thị Lan	4	265	10.600.000
95	08/08/2025	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Công	5	138	5.520.000
96	09/08/2025	Thủy Ba Đông	Trần Văn Đạo	3	105	4.200.000
97	09/08/2025	Thủy Ba Đông	Võ Văn Hải	1	40	1.600.000
98	10/08/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Văn Thuyết	2	203	8.120.000
99	11/08/2025	Thủy Ba Đông	Đào Thị Thu Hương	1	126	5.040.000
100	12/08/2025	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thị Hương	1	103	4.120.000
101	13/8/2025	Thủy Ba Đông	Võ Văn Hải	1	40	1.600.000
XVI	Thủy Ba Tây	28		96	9.039	361.560.000
1	23/07/2025	Thủy Ba Tây	Đặng Xuân Khánh	1	189	7.560.000
2	23/07/2025	Thủy Ba Tây	Lê Thị Ngọc Hiền	4	769	30.760.000
3	27/07/2025	Thủy Ba Tây	Lê Hồng Anh	9	173	6.920.000
4	28/07/2025	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Thắm	1	140	5.600.000
5	28/07/2025	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thanh Liễu	4	518	20.720.000
6	29/07/2025	Thủy Ba Tây	Lê văn Tăng	11	182	7.280.000
7	29/07/2025	Thủy Ba Tây	Lê Thị Sáng	2	234	9.360.000
8	29/07/2025	Thủy Ba Tây	Lê Thị Sàng	2	247	9.880.000
9	30/07/2025	Thủy Ba Tây	Lê Văn Thắng	1	80	3.200.000

TT	Ngày tiêu huỷ	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu huỷ	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
10	31/07/2025	Thuỷ Ba Tây	Đỗ Thị Châm	6	351	14.040.000
11	31/07/2025	Thuỷ Ba Tây	Lê Văn Tăng	2	328	13.120.000
12	08/01/2025	Thuỷ Ba Tây	Lê Văn Bảy	1	236	9.440.000
13	08/02/2025	Thuỷ Ba Tây	Lê Thị Sáng	4	100	4.000.000
14	03/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Phan Ngọc Dưỡng	4	587	23.480.000
15	03/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Nguyễn Thị Thắm	1	130	5.200.000
16	04/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Lê Văn Bảy	1	187	7.480.000
17	04/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Nguyễn Văn Trung (Giang)	1	134	5.360.000
18	08/06/2025	Thuỷ Ba Tây	Lê Văn Bảy	1	234	9.360.000
19	08/07/2025	Thuỷ Ba Tây	Lê Văn Minh	2	167	6.680.000
20	08/07/2025	Thuỷ Ba Tây	Đinh Viết Tuấn	1	182	7.280.000
21	08/07/2025	Thuỷ Ba Tây	Phan Ngọc Dũng	1	194	7.760.000
22	08/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Nguyễn Thị Hồng Bé	1	236	9.440.000
23	09/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Đinh Viết Tuấn	14	504	20.160.000
24	09/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Nguyễn Thị Hương	2	417	16.680.000
25	10/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Hoàng Văn Hồng	1	146	5.840.000
26	11/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Lê Văn Anh	14	1.568	62.720.000
27	12/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Ngô Thị Huyền	1	117	4.680.000

TT	Ngày tiêu hủy	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu hủy	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
28	14/08/2025	Thuỷ Ba Tây	Nguyễn Văn Trung	3	689	27.560.000
XVII	Linh Hải	11		159	11.770	470.800.000
1	23/07/2025	Linh Hải	Bùi Thị Thường	1	126	5.040.000
	31/07/2025	Linh Hải	Bùi Thị Thường	9	544	21.760.000
2	30/07/2025	Linh Hải	Lê Văn Quân	1	180	7.200.000
3	31/07/2025	Linh Hải	Lê Văn Lam	32	2.784	111.360.000
4	04/08/2025	Linh Hải	Hồ Sỹ Điền	1	234	9.360.000
	08/08/2025	Linh Hải	Hồ Sỹ Điền	2	413	16.520.000
5	04/08/2025	Linh Hải	Lê Văn Lam	1	213	8.520.000
	08/08/2025	Linh Hải	Lê Văn Lam	58	3.535	141.400.000
6	08/05/2025	Linh Hải	Lê Đa Nguyên	2	147	5.880.000
7	08/08/2025	Linh Hải	Lê Thị Phương	6	553	22.120.000
8	08/08/2025	Linh Hải	Trần Thị Lâm	7	336	13.440.000
9	09/08/2025	Linh Hải	Trần Thị Búp	1	203	8.120.000
10	10/08/2025	Linh Hải	Cao Văn Thành	22	1.772	70.880.000
11	10/08/2025	Linh Hải	Lê Văn Diễm	16	730	29.200.000
XVIII	Thuỷ Ba Hạ	7		79	3.937	157.480.000
1	23/07/2025	Thuỷ Ba Hạ	Nguyễn Văn Thắng	6	575	23.000.000
2	23/07/2025	Thuỷ Ba Hạ	Lê Quang Thái	11	678	27.120.000

TT	Ngày tiêu huỷ	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Kinh phí hỗ trợ
				Lợn		Tổng NSNN hỗ trợ
				Số con tiêu huỷ	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
3	23/07/2025	Thủy Ba Hạ	Nguyễn Thị Khiêm	33	945	37.800.000
4	23/07/2025	Thủy Ba Hạ	Phạm Văn Thảo	1	198	7.920.000
	01/08/2025	Thủy Ba Hạ		2	421	16.840.000
5	04/08/2025	Thủy Ba Hạ	Hoàng Văn Quý	1	172	6.880.000
6	09/08/2025	Thủy Ba Hạ	Trần Công Hải	1	178	7.120.000
7	12/08/2025	Thủy Ba Hạ	Trần Công Hải	24	770	30.800.000
	Tổng	420		2.335	155.003	6.200.120.000